

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Ân;
- Bà Mua Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Mai Minh Thuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2023/TLST- HNGĐ ngày 20/6/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị V; Sinh năm: 1995; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Tày; Giấy chứng minh nhân dân số: 073539346 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 01/3/2016; Địa chỉ nơi thường trú: Thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang, nơi ở hiện tại: Thôn 6, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/8/2023).

2. Bị đơn: Anh Lù Seo B; Sinh năm: 1988; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Nùng; Giấy chứng minh nhân dân số: 073318439 do Công an tỉnh Hà Giang cấp ngày 12/01/2016; địa chỉ nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 22/6/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 28/10/2022, bản tự khai ngày 20/6/2023 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 02/8/2023, nguyên đơn chị Vàng Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị V và anh Lù Seo B tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 24/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn chị V và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm và lối sống trái ngược nhau dẫn đến cuộc sống chung không có sự hòa hợp, hôn nhân không hạnh phúc và sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay; nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

- Về con chung: Chị V xác nhận vợ chồng có một con chung là Lù Quốc H, sinh ngày 05/5/2016. Ly hôn, chị V và anh B thỏa thuận, anh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B với mức là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)/ tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, người nhận tiền cấp dưỡng là anh Lù Seo B.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2023 và tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 22/6/2023, bị đơn anh Lù Seo B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lù Seo B và chị Vàng Thị V tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không được hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và anh chị sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay; nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V xin ly hôn tôi nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn.

- Về con chung: Anh B xác nhận vợ chồng có một con chung là Lù Quốc H, sinh ngày 05/5/2016. Ly hôn, anh B và chị V thỏa thuận, anh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị V cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh với mức là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, người nhận tiền cấp dưỡng là anh B.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 06/7/2023 đối với bà Hoàng Thị H là cán bộ Tư pháp, hộ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Chị Vàng Thị V và anh Lù Seo B có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Chị V và anh B đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống anh B và chị V có một con chung là cháu Lù Quốc H, sinh ngày 05/5/2016. Đến năm 2020 chị V và anh B thường xuyên đi làm xa, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ đó đến nay. Hiện nay cháu H ở cùng anh B tại thôn B, xã B. Về mức thu nhập bình quân đầu người ở địa phương hiện nay là 26.500.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)/người/năm.

Ngày 03/8/2023, cháu Lù Quốc H là con của chị V, anh B có đơn đề nghị xin được ở cùng bố khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vàng Thị V, cho chị V được ly hôn với anh Lù Seo B. Về con chung: Giao cháu Lù Quốc H, sinh ngày 05/5/2016 cho anh Lù Seo B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Vàng Thị V cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)/ tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, người nhận tiền cấp dưỡng là anh Lù Seo B. Về tài sản, công nợ chung: Chị V, anh B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị Vàng Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Vàng Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lù Seo B, nơi cư trú tại thôn B, xã B, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm giải quyết vụ án, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và đã có quan điểm giải quyết vụ án, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Vàng Thị V và bị đơn anh Lù Seo B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị V và anh Lù Seo B có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 24/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Đích, huyện Y, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị Vàng Thị V và anh Lù Seo B là hợp pháp.

[4] Vụ án không tiến hành hòa giải được: Ngày 20/7/2023, chị Vàng Thị V có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về căn cứ cho ly hôn: Sau khi kết hôn vợ chồng chị V, anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm và lối sống trái ngược nhau nên cuộc sống chung không có sự hòa hợp, hôn nhân không hạnh phúc và sống ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn với anh B của chị V là có căn cứ, phù hợp, đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[6] Về con chung: Chị V và anh B xác nhận, anh chị có một con chung là cháu Lù Quốc H, sinh ngày 05/5/2016, ly hôn chị V, anh B thỏa thuận, anh B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị V cấp dưỡng nuôi con với mức là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)/tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng theo tháng, người nhận tiền cấp dưỡng là anh Lù Seo B, ngoài ra cháu Lù Quốc H có đơn đề nghị xin được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Do đó việc giao con cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản, công nợ chung: Chị Vàng Thị V và anh Lù Seo B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Chị Vàng Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vàng Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vàng Thị V được ly hôn với anh Lù Seo B.
2. Về con chung: Giao cháu Lù Quốc H, sinh ngày 05/5/2016 cho anh Lù Seo B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Vàng Thị V cấp dưỡng nuôi con với mức là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)/tháng, người nhận tiền cấp dưỡng là anh Lù Seo B. Thời điểm giao con và cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Vàng Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án chị V đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: 51BB-21P 0005082 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang. Chị V còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS H Y;
- UBND xã B, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**



Đoàn Ngọc Vĩnh